

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - CTCK)	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - CTCK)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - CTCK)	9 - 28
Phụ lục	28 - 32

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP ngày 4 tháng 11 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Một ngàn năm trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009.

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Vũ Kỳ

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2009)

Ông Kiều Hữu Dũng

Chủ tịch (từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2009)

Ông Trịnh Kim Quang

Thành viên

Ông Đỗ Minh Toàn

Thành viên

Ông Trần Hùng Huy

Thành viên

Ông Nguyễn Việt Hải

Thành viên (từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung

Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)

Ông Nguyễn Việt Hải

Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)

Bà Lê Thị Phương Dung

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Thành

Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009)

Ông Nguyễn Trung Thành

Quyền Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2009)

Ông Nguyễn Hữu Trung

Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2009)

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con gọi chung là "Tập đoàn") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành; cung cấp các dịch vụ về đầu tư; các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư.

Trụ sở chính

107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào thời điểm đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 9 tháng 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính hợp nhất xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.




Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2424
Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.777.421	1.490.932
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	999.328	1.075.917
111	Tiền		100.968	770.917
112	Các khoản tương đương tiền		898.360	305.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	638.874	226.429
121	Đầu tư ngắn hạn		739.126	370.031
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(100.252)	(143.602)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		138.297	187.262
132	Trả trước cho người bán		2.096	66
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	104
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	36.373	171.800
138	Các khoản phải thu khác	6	100.068	15.532
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(240)	(240)
150	Tài sản ngắn hạn khác		922	1.324
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		829	964
158	Tài sản ngắn hạn khác	7	93	360
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		793.402	1.474.952
210	Các khoản phải thu dài hạn	8	105.782	429.544
218	Phải thu dài hạn khác		105.782	429.544
220	Tài sản cố định		72.875	77.379
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	72.493	77.273
222	Nguyên giá		91.204	87.491
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.711)	(10.218)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	382	106
228	Nguyên giá		505	129
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(123)	(23)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	595.378	953.592
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
254	- Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán		109.551	-
258	Đầu tư dài hạn khác		506.827	953.592
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(21.000)	-
260	Tài sản dài hạn khác		19.367	14.437
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	5.547	7.206
262	Tài sản Thuế TNDN hoãn lại	11	5.250	-
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		6.334	4.214
268	Tài sản dài hạn khác	12	2.236	3.017
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.570.823	2.965.884

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
300	NỢ PHẢI TRẢ		670.107	1.865.770
310	Nợ ngắn hạn		669.900	1.365.495
311	Vay ngắn hạn	13(a)	500.000	-
312	Phải trả người bán	14	96	170.628
313	Người mua trả tiền trước		-	60
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	33.648	28.765
315	Phải trả người lao động		6.443	6.500
316	Chi phí phải trả	16	43.131	41.096
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		81.935	412.876
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.592	906
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.055	704.664
330	Nợ dài hạn		207	500.275
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	-	500.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		207	275
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.900.716	1.100.114
410	Vốn chủ sở hữu	18	1.900.716	1.100.114
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000	1.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển		50.727	34.869
418	Quỹ dự phòng tài chính		71.406	55.491
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		278.583	9.754
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.570.823	2.965.884



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
1	Doanh thu	522.711	600.829
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	128.400	239.013
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19 313.184	292.681
1.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	1.420
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	2.194	4.022
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.510	1.002
1.9	Doanh thu hoạt động khác	20 76.423	62.691
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(173)	(783)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	522.538	600.046
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	21 (125.746)	(289.178)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	396.792	310.868
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22 (50.929)	(45.046)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	345.863	265.822
31	Thu nhập khác	286	330
32	Chi phí khác	(396)	(257)
40	(Chi phí)/thu nhập khác	23 (110)	73
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	345.753	265.895
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24 (32.695)	(29.124)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24 5.250	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	318.308	236.771



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	345.753	265.895
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9.405	7.183
03	Các khoản dự phòng	(22.350)	140.916
04	Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	34	26
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(278.683)	(119.442)
	Thu nhập lãi từ hợp đồng "reverse" repo	(35.699)	(42.147)
06	Chi phí lãi vay	43.880	36.405
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	62.340	288.836
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	354.079	(85.394)
10	Giảm hàng tồn kho	-	406
	Tăng chứng khoán kinh doanh	(369.095)	(58.591)
11	Giảm các khoản phải trả	(662.210)	(105.519)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	1.794	(6.674)
13	Tiền lãi vay đã trả	(44.000)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(26.740)	(66.457)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.347	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(299)	(111)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(682.819)	(33.504)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(62.866)	(15.493)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	251	139
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn	(183.394)	(757.556)
	Tiền gửi dài hạn tại ngân hàng	50.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	772.642	470.648
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	131.107	124.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	607.740	(178.066)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000	500.000
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	-	500.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(501.510)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(1.510)	1.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(76.589)	788.430
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	3 1.075.917	287.487
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	3 999.328	1.075.917

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty là một công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB ("ACBC") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực Quản lý quỹ. Công ty Quản lý quỹ ACB là công ty con 100% vốn của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có 203 nhân viên (2008: 260 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là công ty mà Tập đoàn có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của công ty này được trao cho Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Tập đoàn không còn quyền kiểm soát công ty này.

Tập đoàn hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu. Phần vượt trội giữa giá phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại được ước tính đúng đắn dựa trên thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận. Nếu giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

2 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Tổng Giám đốc quyết định như vậy.

Các khoản đầu tư ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá trị mua thực tế (giá gốc). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(b) Đầu tư dài hạn

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi được các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi tổ chức kinh tế mà tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Đầu tư dài hạn khác còn bao gồm các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng.

2.8 Cam kết mua và bán

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại (“repo”) không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại (“reverse repo”) không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Trụ sở làm việc	25 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 – 4 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.10 Chi phí vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.12 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.12 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.13 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo mức 2% tổng quỹ tiền lương theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số tiền trợ cấp thôi việc phải trả cho số người lao động hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình cho giai đoạn 6 tháng trước ngày chấm dứt làm việc với Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**
3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2009	31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt	8	66
Tiền gửi ngân hàng	23.632	325.433
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	77.328	445.418
Các khoản tương đương tiền	898.360	305.000
	<u>999.328</u>	<u>1.075.917</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách Triệu đồng	31.12.2009		Giá trị thị trường Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng
		So với giá trị tăng Triệu đồng	So với giá trị giảm Triệu đồng		
(a) Đầu tư ngắn hạn	739.126	112.578	(100.252)	751.452	(100.252)
- Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết (*)	628.768	6.882	(98.069)	537.581	(98.069)
- Đầu tư chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	110.358	105.696	(2.183)	213.871	(2.183)
(b) Đầu tư dài hạn	616.378	66.231	(21.000)	661.609	(21.000)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết (*)	105.329	58.209	-	163.538	-
+ Đầu tư chứng khoán vốn chưa niêm yết (***)	4.222	8.022	-	12.244	-
- Đầu tư dài hạn khác	506.827	-	(21.000)	485.827	(21.000)
	<u>1.355.504</u>	<u>178.809</u>	<u>(121.252)</u>	<u>1.413.061</u>	<u>(121.252)</u>

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của năm tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết là giá trung bình được tính dựa trên giá giao dịch của các chứng khoán này do Công ty Chứng khoán Rồng Việt, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và Công ty Chứng khoán Đông Á cung cấp.

(***) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn dài hạn chưa niêm yết được ước tính dựa trên phương pháp định giá thận trọng nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**
4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách Triệu đồng	31.12.2008		Giá trị thị trường Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng
		So với giá thị trường Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng		
(a) Đầu tư ngắn hạn	370.031	419	(143.602)	226.848	(143.602)
- Đầu tư chứng khoán vốn niêm yết	299.469	419	(128.447)	171.441	(128.447)
- Đầu tư chứng khoán vốn chưa niêm yết	29.300	-	(15.155)	14.145	(15.155)
- Đầu tư trái phiếu	41.262	-	-	41.262	-
(b) Đầu tư dài hạn	953.592	-	-	953.592	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	953.592	-	-	953.592	-
	<u>1.323.623</u>	<u>419</u>	<u>(143.602)</u>	<u>1.180.440</u>	<u>(143.602)</u>

5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
Phải thu từ bán các khoản đầu tư dài hạn	34.924	-
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 25 (b))	-	168.941
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu khách hàng khác	1.449	2.859
	<u>36.373</u>	<u>171.800</u>

6 KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” ngắn hạn (*)	84.917	14.072
Lãi dự thu từ hợp đồng “reserve repo” ngắn hạn	12.988	121
Các khoản phải thu khác	2.163	1.339
	<u>100.068</u>	<u>15.532</u>

(*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng “reverse repo” có thời hạn thu hồi dưới một năm. Lãi suất trung bình được áp dụng cho những hợp đồng này là 1,04%/tháng. Những hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Các khoản ứng trước	53	348
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40	12
	<u>93</u>	<u>360</u>

8 PHẢI THU DÀI HẠN

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” dài hạn (*)	79.415	371.385
Lãi dự thu từ hợp đồng “reserve repo” dài hạn	26.367	58.159
	<u>105.782</u>	<u>429.544</u>

(*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng “reverse repo” có thời hạn thu hồi trên một năm. Lãi suất áp dụng cho những hợp đồng này là 0,9%/tháng. Các hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**
9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Trụ sở làm việc Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị quản lý Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	62.671	17.166	5.988	148	1.518	87.491
Mua trong năm	2.174	4.349	-	219	298	7.040
Phân loại lại	(2.006)	(167)	-	-	(57)	(2.230)
Thanh lý, nhượng bán	-	(974)	-	-	(123)	(1.097)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>62.839</u>	<u>20.374</u>	<u>5.988</u>	<u>367</u>	<u>1.636</u>	91.204
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.388	6.740	1.731	32	327	10.218
Khấu hao trong năm	2.416	5.401	941	56	491	9.305
Thanh lý, nhượng bán	-	(771)	-	-	(41)	(812)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>3.804</u>	<u>11.370</u>	<u>2.672</u>	<u>88</u>	<u>777</u>	18.711
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>61.283</u>	<u>10.426</u>	<u>4.257</u>	<u>116</u>	<u>1.191</u>	77.273
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>59.035</u>	<u>9.004</u>	<u>3.316</u>	<u>279</u>	<u>859</u>	72.493

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 1.039 triệu đồng (2008: 184 triệu đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm vi tính Triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	129
Mua trong năm	376
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>505</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	23
Khấu hao trong năm	100
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>123</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	106
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>382</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1	7.206	172
Tăng	2.416	9.286
Phân bổ trong năm	(4.075)	(2.252)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>5.547</u>	<u>7.206</u>

11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>5.250</u>	<u>-</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá chứng khoán vốn chưa niêm yết.

12 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.370	2.151
Tài sản dài hạn khác	866	866
	<u>2.236</u>	<u>3.017</u>

13 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	<u>500.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**
13 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Vay dài hạn**

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Trái phiếu phát hành	-	500.000

Ngày 5 tháng 3 năm 2008, Công ty phát hành 5.000.000 (năm triệu) trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam với mức lãi suất 8,8% một năm. Toàn bộ số trái phiếu trên có thời hạn hai năm, đáo hạn vào tháng 3 năm 2010, và được phát hành cho một ngân hàng cổ phần nội địa.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Phải trả do giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi ngân hàng	-	170.601
Phải trả người bán	96	27
	<u>96</u>	<u>170.628</u>

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	54	40
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	32.363	26.408
Thuế thu nhập cá nhân	566	-
Các loại thuế khác	665	2.317
	<u>33.648</u>	<u>28.765</u>

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Dự chi lãi trái phiếu phải trả	36.285	36.405
Phí giao dịch trả Trung tâm, Sở Giao dịch chứng khoán	1.463	3.626
Chi phí hoa hồng đại lý nhận lệnh cho Ngân hàng mệ (Thuyết minh 25 (b))	3.650	968
Chi phí khác	1.733	97
	<u>43.131</u>	<u>41.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	59	6
Doanh thu chưa thực hiện	244	18
Phải trả cho các khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 25 (b))	-	100.000
Cổ tức phải trả cho Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 25 (b))	-	483.804
Phải trả mua tài sản cố định của Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 25 (b))	-	55.450
Khoản phải trả khác cho Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 25 (b))	-	30.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.752	35.322
	<u>2.055</u>	<u>704.664</u>

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị: Triệu đồng				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	500.000	155	43.770	23.037	566.962
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000	-	-	-	500.000
Lợi nhuận hợp nhất trong năm 2008	-	236.771	-	-	236.771
Phân bổ vào các quỹ	-	(23.664)	11.832	11.832	-
Sử dụng quỹ	-	-	(111)	-	(111)
Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	-	(203.508)	-	-	(203.508)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>1.000.000</u>	<u>9.754</u>	<u>55.491</u>	<u>34.869</u>	<u>1.100.114</u>
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000	-	-	-	500.000
Lợi nhuận hợp nhất trong năm 2009	-	318.308	-	-	318.308
Phân bổ vào các quỹ	-	(31.773)	15.915	15.858	-
Chuyển lợi nhuận về ngân hàng mẹ	-	(17.706)	-	-	(17.706)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>1.500.000</u>	<u>278.583</u>	<u>71.406</u>	<u>50.727</u>	<u>1.900.716</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009****18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)***Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển về cho Ngân hàng mẹ sau khi được Hội đồng Thành viên chấp thuận và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý Việt Nam.

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư và phát triển: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	32.164	169.925
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	126.630	-
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	75.403	-
Thu nhập cổ tức	76.650	121.762
Thu nhập lãi từ đầu tư vào trái phiếu	2.337	994
	<u>313.184</u>	<u>292.681</u>

20 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	33.233	13.791
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.425	4.653
Lãi từ hợp đồng "reverse repo"	35.699	42.147
Doanh thu khác	2.066	2.100
	<u>76.423</u>	<u>62.691</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	34.480	17.114
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	37.937	63.563
Chi phí về tư vấn cho người đầu tư	157	110
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	2.011 (22.349)	1.041 140.916
Chi phí lãi trái phiếu	43.880	36.405
Chi phí nhân viên	15.870	18.521
Khấu hao tài sản cố định	3.850	3.106
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.910	8.402
	<u>125.746</u>	<u>289.178</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định	5.555	4.077
Chi phí nhân viên	21.108	16.229
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	755	1.569
Chi phí công cụ, đồ dùng	395	433
Thuế, phí, lệ phí	122	38
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.488	16.820
Chi phí bằng tiền khác	6.506	5.880
	<u>50.929</u>	<u>45.046</u>

23 THU NHẬP/(CHI PHÍ) KHÁC - SỐ THUẦN

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	<u>286</u>	<u>330</u>
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	34	26
Chi phí khác	<u>362</u>	<u>231</u>
	<u>396</u>	<u>257</u>
(Chi phí)/thu nhập khác – Số thuần	<u>(110)</u>	<u>73</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

24 THUẾ

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.695	29.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(5.250)	-
	<u>27.445</u>	<u>29.124</u>

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế ước tính của Công ty và công ty con và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	345.753	265.895
Thuế (theo thuế suất luật định)	69.220	53.193
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(15.330)	(24.377)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	76	308
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(1.050)	-
Thuế trên thu nhập được ưu đãi về thuế	(17.450)	-
Thuế thừa của năm trước	(8.021)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>27.445</u>	<u>29.124</u>

(*) Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2008 và 2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

25 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng Á Châu”) do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	522	172.848
Doanh thu kinh doanh chứng khoán (*)	13.986	3.264.518
Thu nhập lãi tiền gửi	31.573	15.023
Thu nhập khác	2.511	1.364
Các bên liên quan khác	-	2.594
	<u>48.594</u>	<u>3.455.983</u>

(*) Thể hiện khoản tiền nhận từ bán chứng khoán cho Ngân hàng mẹ theo giá gốc.

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh cho Ngân hàng mẹ	17.394	-
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	2.118	216
Phí thanh toán cho các bên liên quan khác	-	2.889
	<u>19.512</u>	<u>3.105</u>

iii) Bán tài sản cố định

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Doanh thu từ bán tài sản cố định cho Ngân hàng mẹ	<u>224</u>	<u>173</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

25 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iv) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.977	4.126

v) Hoạt động tài chính

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	17.706	203.508
Tăng vốn góp từ Ngân hàng mẹ	500.000	500.000
Ngân hàng mẹ tạm ứng vốn	500.000	3.194.000
Hoàn trả tạm ứng vốn cho Ngân hàng mẹ	(600.000)	(3.094.000)
	<u>417.706</u>	<u>803.508</u>

vi) Ủy thác đầu tư chứng khoán

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Nhận ủy thác từ Ngân hàng mẹ	-	11.562
Tăng ủy thác đầu tư tại Ngân hàng mẹ	1.236	56.547
	<u>1.236</u>	<u>68.109</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

25 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	816.030	1.072.405
Ủy thác đầu tư chứng khoán		
Doanh mục ủy thác đầu tư tại Ngân hàng mẹ	146.999	152.018
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5)		
Ngân hàng mẹ	-	168.941
Chi phí phải trả (Thuyết minh 16)		
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh cho Ngân hàng mẹ	3.650	968
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 17)		
Phải trả cho các khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng mẹ	-	100.000
Cổ tức phải trả	-	483.804
Phải trả mua tài sản cố định của Ngân hàng mẹ	-	55.450
Các khoản phải trả khác cho Ngân hàng mẹ	-	30.064
	-	669.318

26 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Dưới 1 năm	6.051	9.652
Từ 1 đến 5 năm	16.826	27.576
Trên 5 năm	5.903	16.235
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	28.780	53.463

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

27 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh trong các báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 9 tháng 3 năm 2010.



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

PHỤ LỤC I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	TÀI SẢN	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.775.879	1.439.561
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	997.786	1.024.546
111	Tiền	99.426	719.546
112	Các khoản tương đương tiền	898.360	305.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	638.874	226.429
121	Đầu tư ngắn hạn	739.126	370.031
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(100.252)	(143.602)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	138.297	187.262
132	Trả trước cho người bán	2.096	66
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	104
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	36.373	171.800
138	Các khoản phải thu khác	100.068	15.532
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(240)	(240)
150	Tài sản ngắn hạn khác	922	1.324
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	829	964
158	Tài sản ngắn hạn khác	93	360
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	793.113	1.524.952
210	Các khoản phải thu dài hạn	105.782	429.544
218	Phải thu dài hạn khác	105.782	429.544
220	Tài sản cố định	72.857	77.379
221	Tài sản cố định hữu hình	72.475	77.273
222	Nguyên giá	91.179	87.491
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(18.704)	(10.218)
227	Tài sản cố định vô hình	382	106
228	Nguyên giá	505	129
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(123)	(23)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	595.378	1.003.592
251	Đầu tư vào công ty con	50.000	50.000
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		
254	- Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán	109.551	-
258	Đầu tư dài hạn khác	456.827	953.592
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(21.000)	-
260	Tài sản dài hạn khác	19.096	14.437
261	Chi phí trả trước dài hạn	5.547	7.206
262	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.250	-
263	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	6.334	4.214
268	Tài sản dài hạn khác	1.965	3.017
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.568.992	2.964.513

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
300	NỢ PHẢI TRẢ	669.558	1.864.524
310	Nợ ngắn hạn	669.367	1.364.249
311	Vay ngắn hạn	500.000	-
312	Phải trả người bán	90	170.616
313	Người mua trả tiền trước	-	60
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.414	28.716
315	Phải trả người lao động	6.150	6.021
316	Chi phí phải trả	43.131	41.096
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	81.935	412.876
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.592	906
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.055	703.958
330	Nợ dài hạn	191	500.275
334	Vay và nợ dài hạn	-	500.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	191	275
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.899.434	1.099.989
410	Vốn chủ sở hữu	1.899.434	1.099.989
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500.000	1.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	50.727	34.869
418	Quỹ dự phòng tài chính	71.349	55.491
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	277.358	9.629
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.568.992	2.964.513



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

Mã số		2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
1	Doanh thu	516.651	599.133
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	128.400	239.013
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	313.184	290.985
1.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	1.420
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	2.194	4.022
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.510	1.002
1.9	Doanh thu khác	70.363	62.691
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(173)	(783)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	516.478	598.350
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	(125.746)	(289.178)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	390.732	309.172
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(46.199)	(43.524)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	344.533	265.648
31	Thu nhập khác	231	330
32	Chi phí khác	(396)	(257)
40	(Chi phí)/thu nhập khác	(165)	73
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	344.368	265.721
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(32.467)	(29.075)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.250	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	317.151	236.646



Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số		2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng Phân loại lại
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	344.368	265.721
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9.398	7.183
03	Các khoản dự phòng	(22.350)	140.916
04	Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	34	26
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(278.683)	(119.442)
	Thu nhập lãi từ hợp đồng "reverse" repo	(35.699)	(42.147)
06	Chi phí lãi vay	43.880	36.405
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	60.948	288.662
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	354.079	(85.394)
10	Giảm hàng tồn kho	-	406
	Tăng chứng khoán kinh doanh	(369.095)	(58.591)
11	Giảm các khoản phải trả	(661.369)	(106.716)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	1.794	(6.674)
13	Tiền lãi vay đã trả	(44.000)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(26.691)	(66.457)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.347	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(28)	(111)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(683.015)	(33.875)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(62.841)	(15.493)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	251	139
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn	(183.394)	(807.556)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	771.785	470.648
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	131.107	124.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	657.765	(228.066)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000	500.000
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	-	500.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(501.510)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(1.510)	1.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(26.760)	737.059
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	1.024.546	287.487
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	997.786	1.024.546

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2010